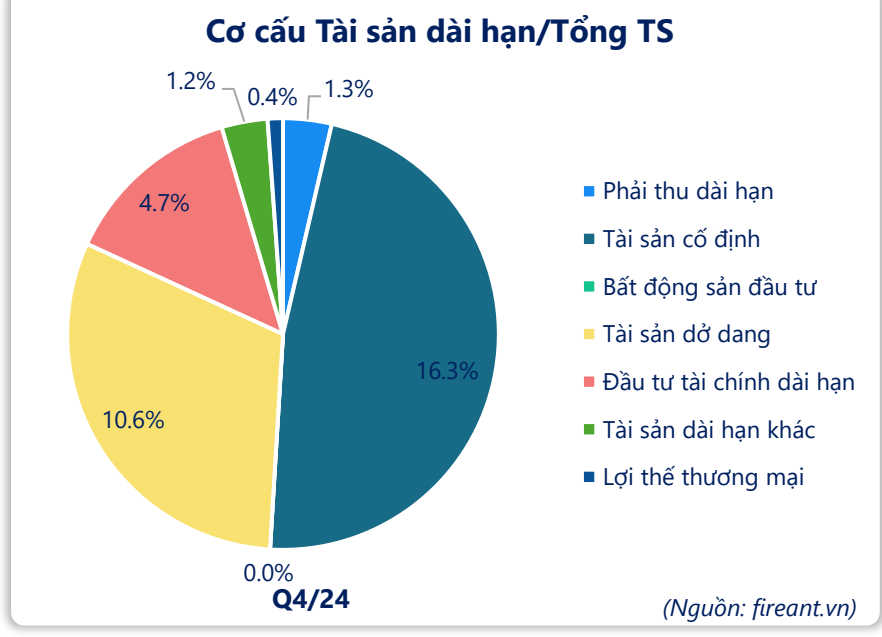
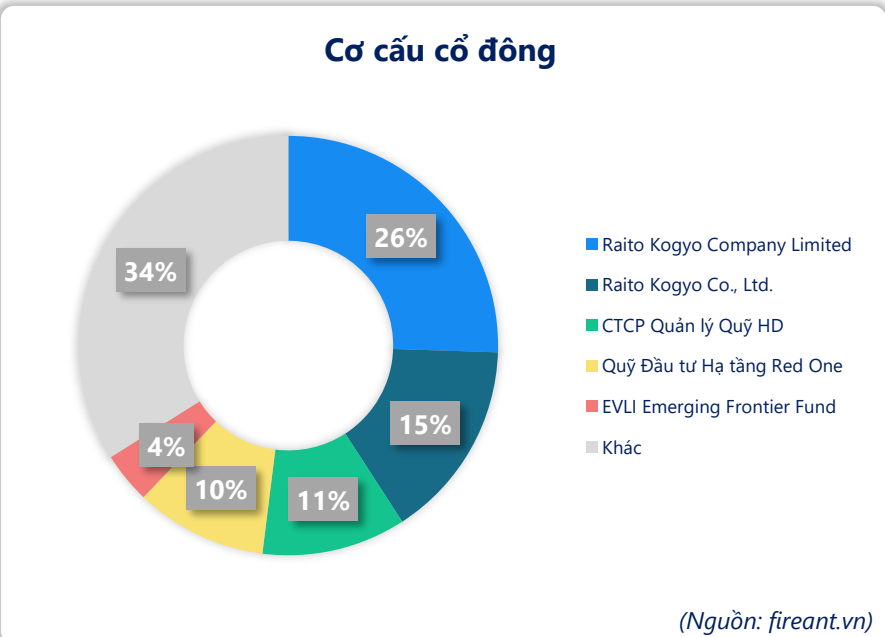
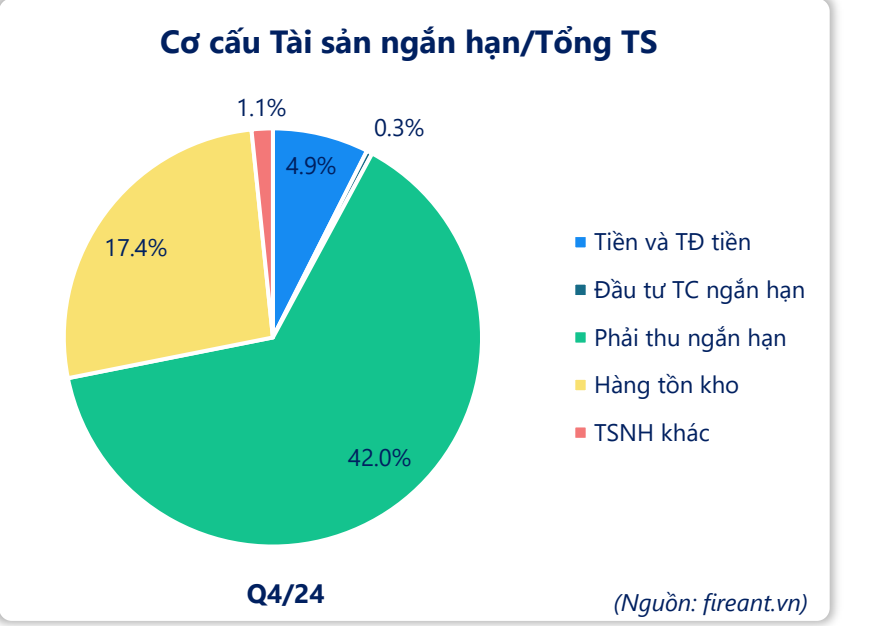
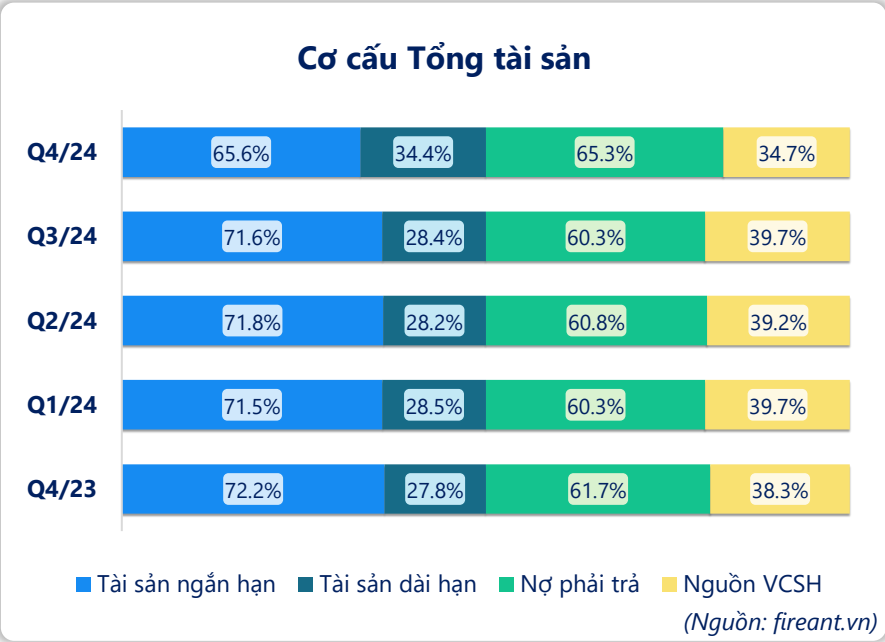
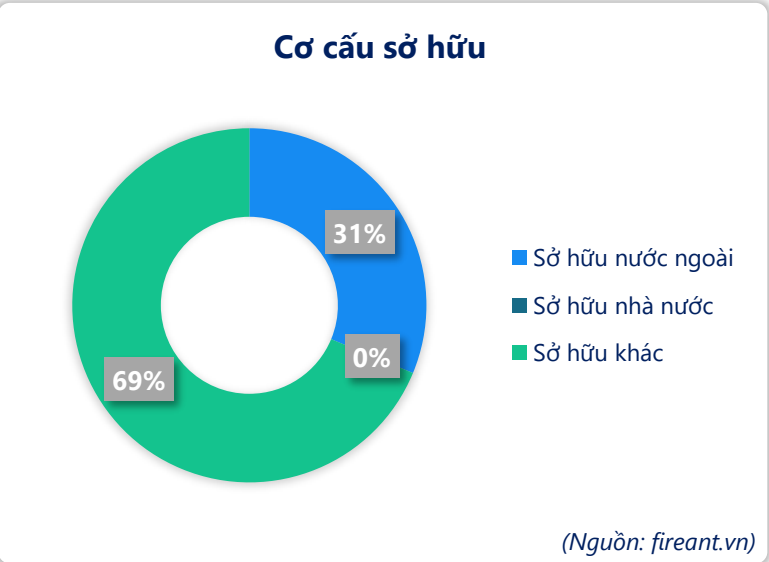
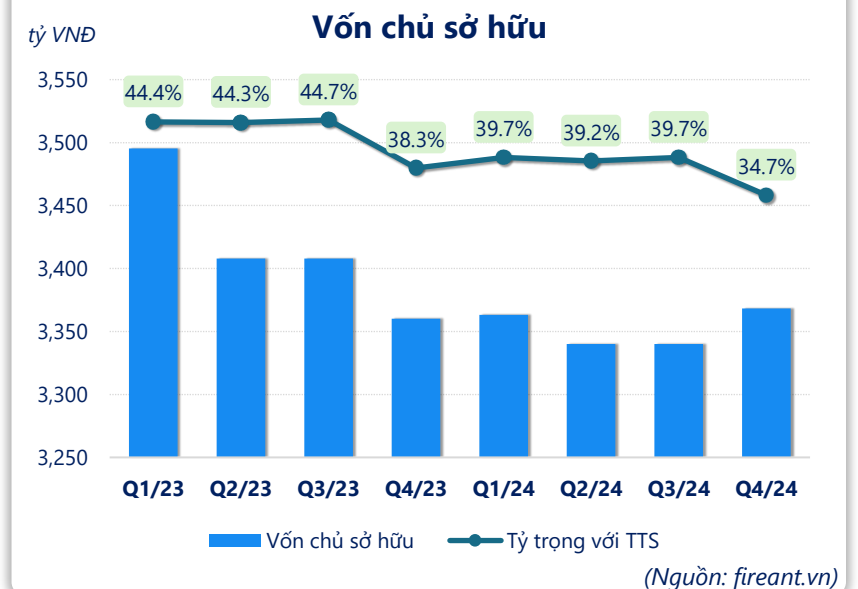
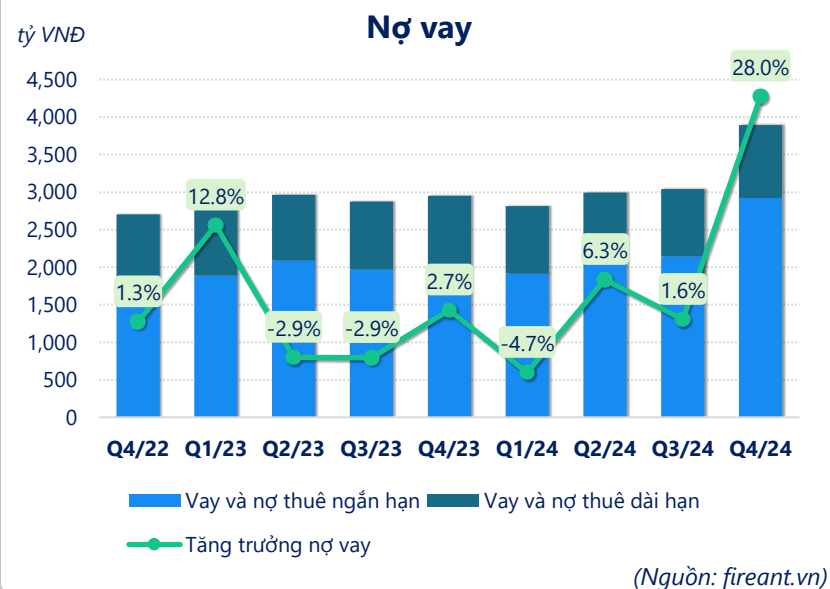
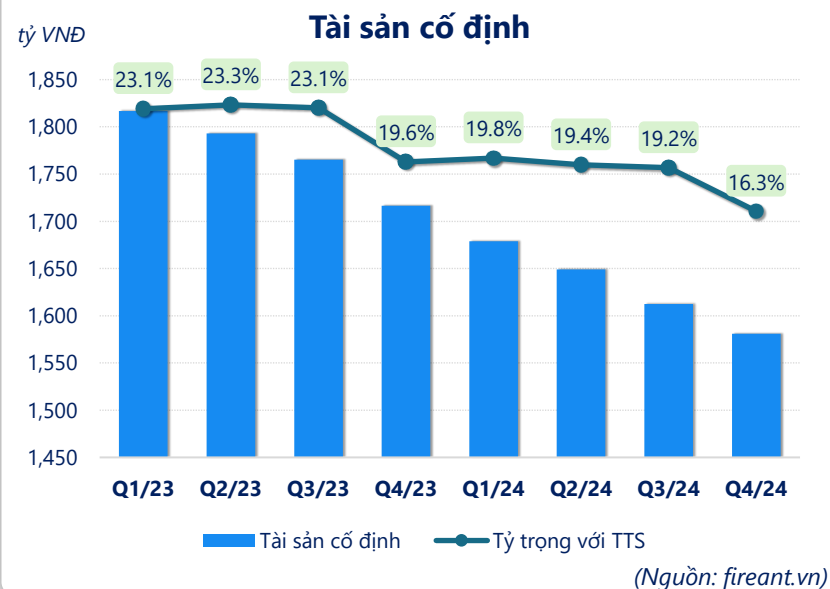
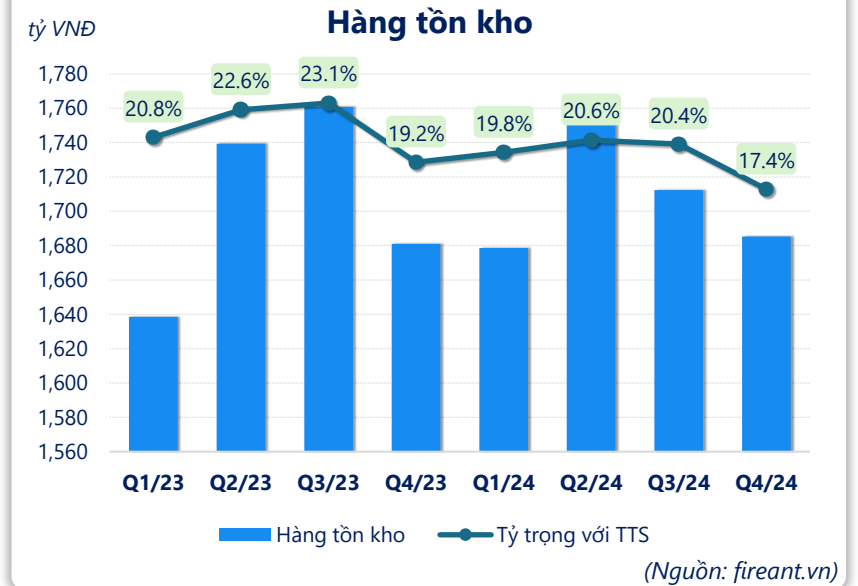
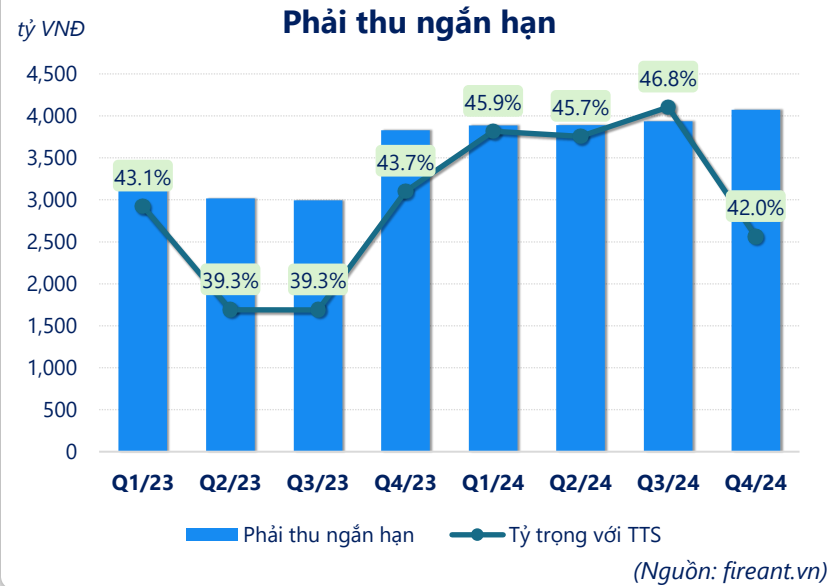
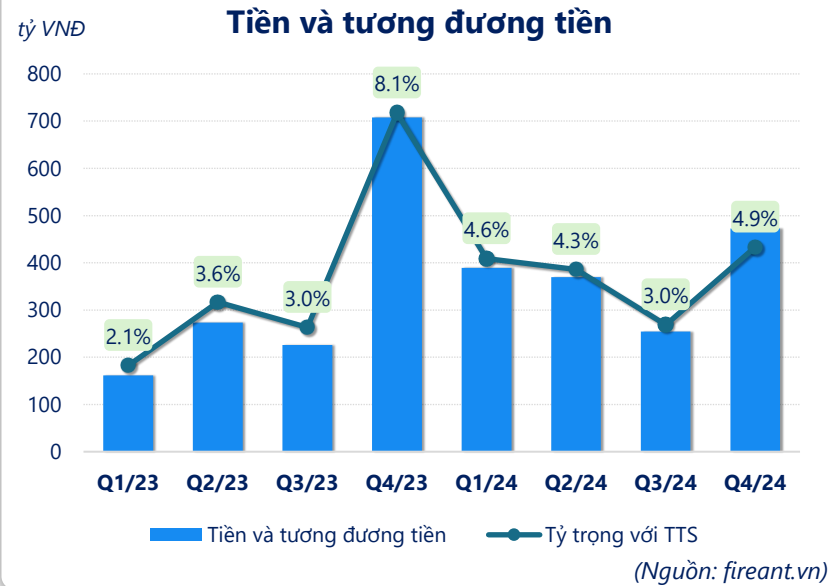
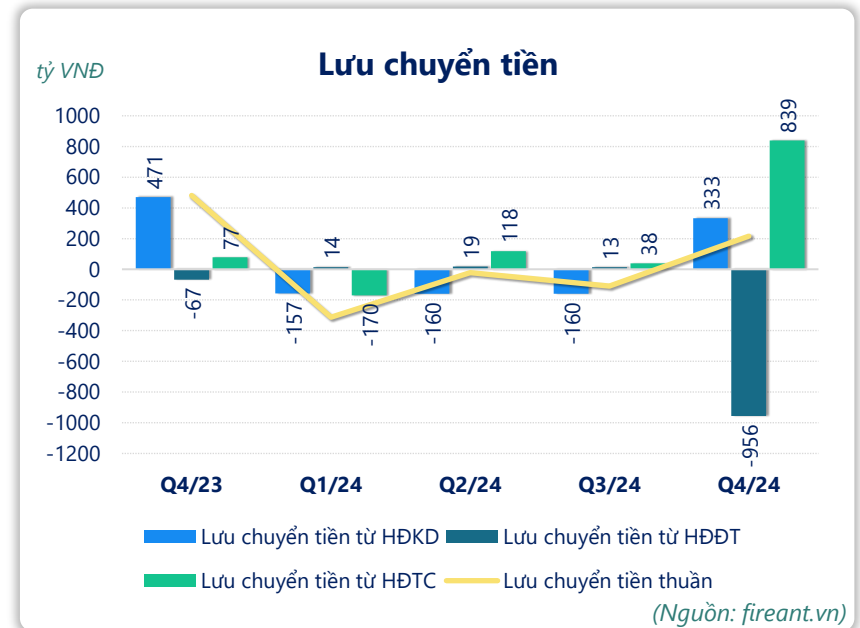
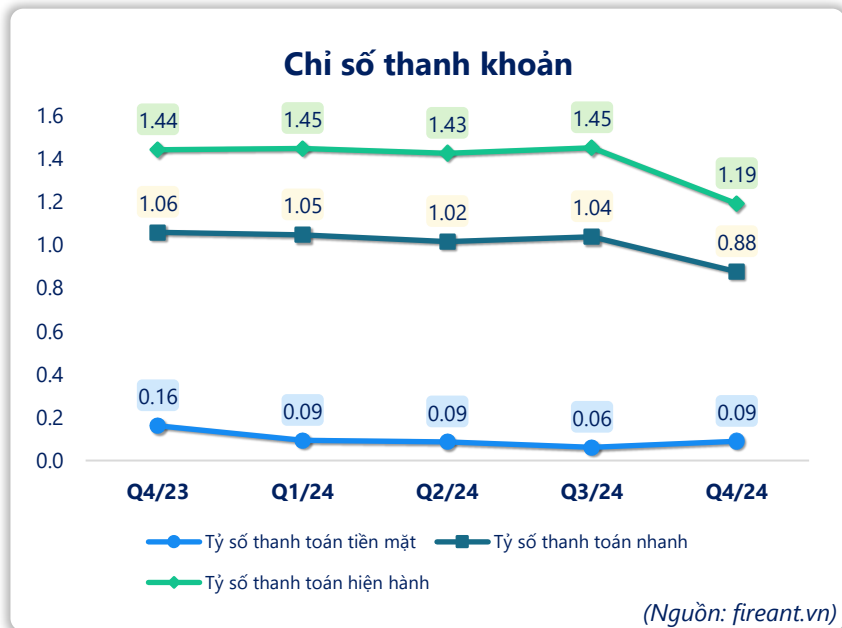
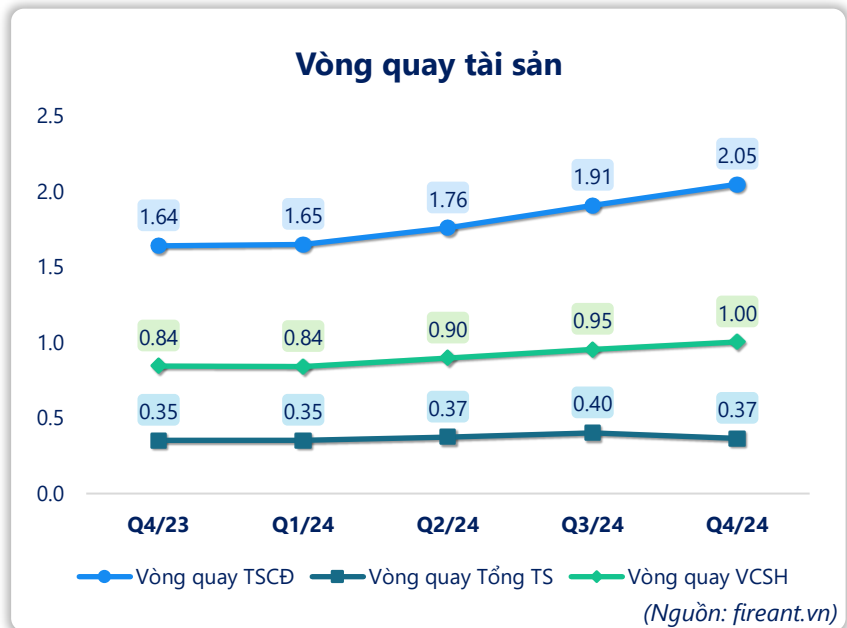
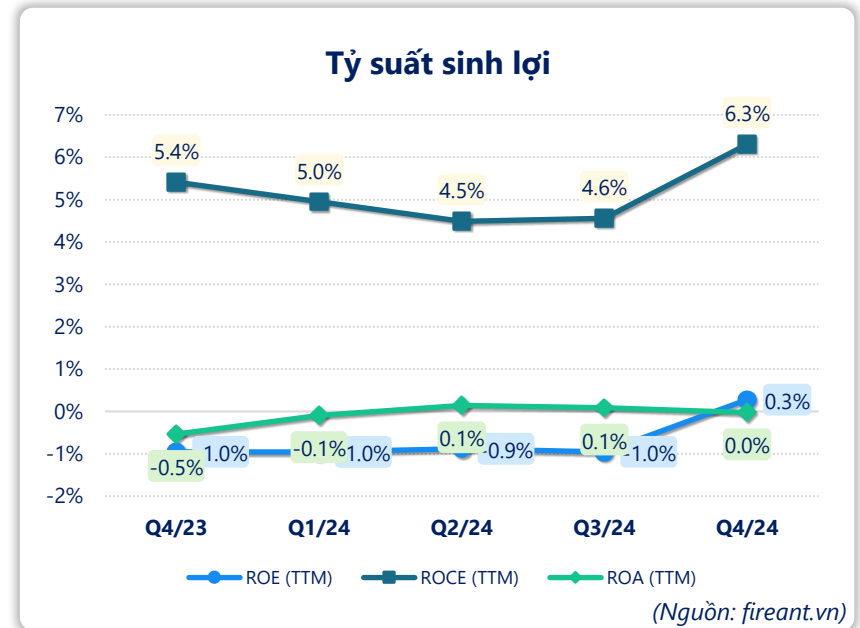
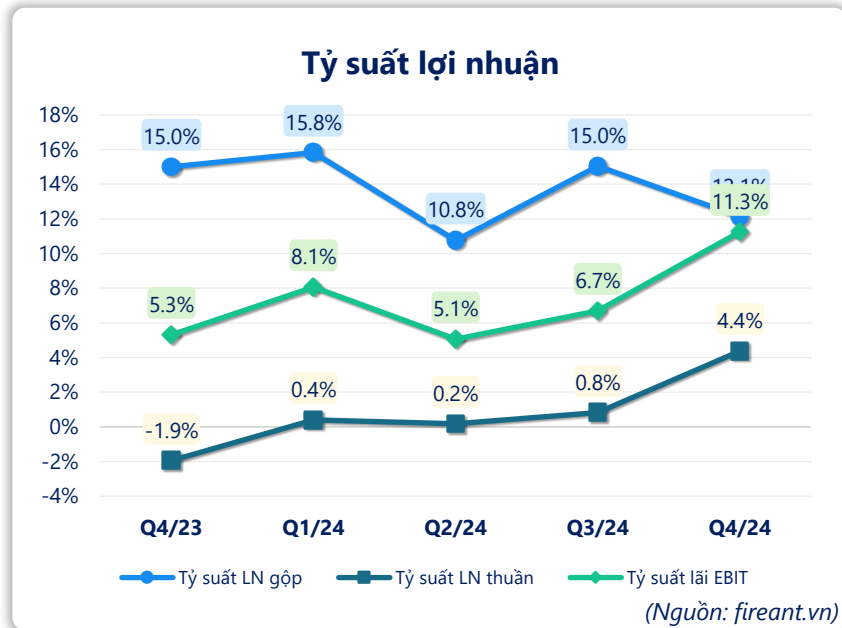
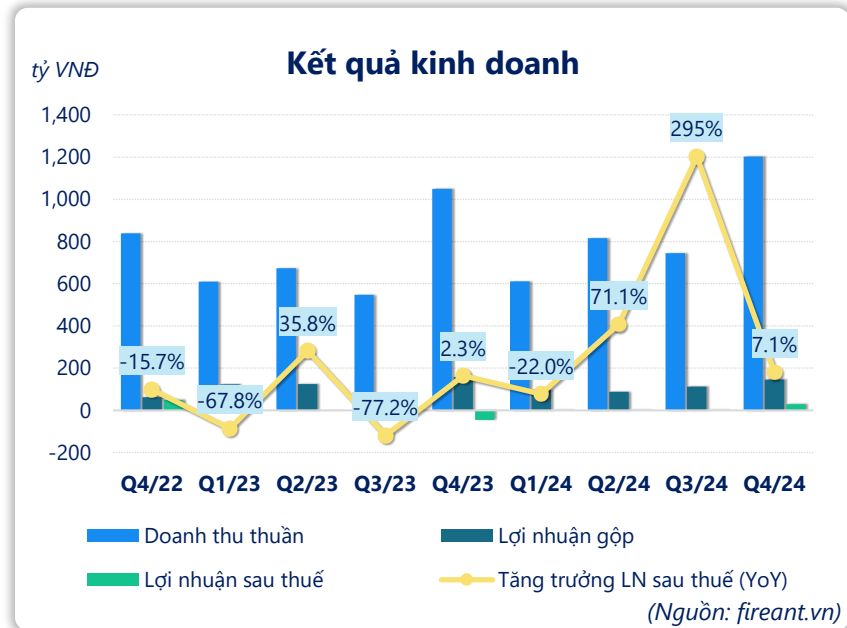


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		14,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,400
SL cổ phiếu LH		157,439,005
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,348,465
% sở hữu nước ngoài		31.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,299
P/E		245.0
EPS		60

	YTD	1T	3T	6T
FCN		16.8%	12.3%	2.8%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	9,704	8,581	13.1%
Tài sản ngắn hạn	6,364	6,137	3.7%
Tiền và tương đương tiền	473	702	-32.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	28.3	24.7	14.6%
Phải thu ngắn hạn	4,073	3,632	12.1%
Hàng tồn kho	1,685	1,681	0.3%
Tài sản ngắn hạn khác	104	97.5	7.0%
Tài sản dài hạn	3,341	2,445	36.6%
Phải thu dài hạn	122	120	1.1%
Tài sản cố định	1,581	1,716	-7.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,033	54.9	1782%
Đầu tư tài chính dài hạn	453	414	9.2%
Tài sản dài hạn khác	115	92.0	25.1%
Lợi thế thương mại	38.1	47.4	-19.6%
Nợ phải trả	6,336	5,220	21.4%
Nợ ngắn hạn	5,339	4,319	23.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,923	2,067	41.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	799	874	-8.6%
Nợ dài hạn	998	901	10.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	969	879	10.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,368	3,362	0.2%
Vốn chủ sở hữu	3,368	3,362	0.2%
Vốn điều lệ	1,574	1,574	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	1,049	612	816	744	1,203
Giá vốn hàng bán	892	515	728	632	1,057
Lợi nhuận gộp	158	96.8	87.8	112	146
Doanh thu HĐTC	-0.26	9.01	7.14	5.95	63.5
Chi phí TC	102	48.4	36.6	55.2	91.9
Chi phí lãi vay	79.8	47.6	35.7	46.3	85.5
LN trong công ty LKLD	0	0	0.04	-0.06	4.29
Chi phí bán hàng	7.66	5.21	4.87	5.26	10.6
Chi phí QLDN	68.3	49.7	51.9	51.2	58.5
LN thuần từ HĐKD	-20.4	2.44	1.54	6.12	52.6
Lợi nhuận khác	-3.69	-0.79	4.11	-2.53	-2.82
LN trước thuế	-24.1	1.65	5.65	3.58	49.8
Lợi nhuận sau thuế	-44.7	0.64	0.71	0.03	28.8
LNST của CĐ cty mẹ	-43.5	-7.33	11.6	7.15	-2.02

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	471	-157	-160	-160	333
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-67.0	14.1	18.7	12.5	-956
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	77.2	-170	118	37.7	839
Tiền đầu kỳ	226	702	389	370	254
Lưu chuyển tiền thuần	481	-312	-22.8	-109	216
Ảnh hưởng tỷ giá	1.11	0	3.00	-5.85	2.85
Tiền cuối kỳ	708	389	370	254	473

(Nguồn: fireant.vn)